TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 635/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2025
V/v Vụ án ly hôn – Mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Hương.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Nguyễn Ngọc Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thi Thuý - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đ- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2025/HNST ngày 15/4/2025 về việc "Vụ án ly hôn – Mâu thuẫn gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 487/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 469 /2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh N**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: D ấp D, xã V, huyện B (cũ) nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh

Số căn cước công dân: 082184008037 cấp ngày 09/9/2024

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: D ấp D, xã V, huyện B (cũ) nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số căn cước công dân: 075078014443

(Bà Phạm Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2025 của Nguyên đơn bà B Phạm Thị Thanh N :

Sau thời gian tìm hiểu thì tôi và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, xã X, Tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77 vào ngày 19/07/2004.

Trong thời gian chung sống thì tôi và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 (sinh ngày 14/9/2004)- đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Gia B1 (sinh ngày 27/8/2013). Hiện nay trẻ Gia B1 đang sống với ông T nên khi ly hôn đồng đồng ý giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, tôi xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Thời gian đầu tôi và ông T chung sống với nhau hạnh phúc. Trong quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn tới nay không giải quyết được dẫn đến việc không có tiếng nói chung trong cuộc sống và không còn tình cảm với nhau hiện tại hôn nhân của chúng tôi đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Tôi và ông T đã ly thân từ năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân thì ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Gia B1.

Nhận thấy mối quan hệ giữa tôi và ông T có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân Khu Vực 10 giải quyết như sau:

1. Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Yêu cầu Toà giải quyết giao cháu Nguyễn Gia B1 cho chồng là Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chúng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Bà Phạm Thị Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T không có bản tự khai và vắng mặt không rõ lý do trong các phiên hoà giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 5, Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thụ, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bà Phạm Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Văn T .

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bà Phạm Thị Thanh N nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T , ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện B nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Do nguyên đơn bà Bà Phạm Thị Thanh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77 do Ủy ban nhân dân xã X, xã X, Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/7/2004 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bà Phạm Thị Thanh N với ông Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Theo trình bày của bà N thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T .

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự xác nhận của bà N thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ năm 2023. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông T đã không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn đối với ông Tiếng L hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 (sinh ngày 14/9/2004)- đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Gia B1 (sinh ngày 27/8/2013)

Hiện nay trẻ Gia Bảo đang sống với ông T. Bà N đồng ý giao cháu Nguyễn Gia B1 cho chồng là Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, bà N xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bà Phạm Thị Thanh N có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung: Bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà Bà Phạm Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B Phạm Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn T .

Bà B Phạm Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T .

Giấy chứng nhận kết hôn số số 77 do Ủy ban nhân dân xã X, xã X, Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/7/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Bà Phạm Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 (sinh ngày 14/9/2004)- đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Gia B1 (sinh ngày 27/8/2013)

Ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Gia B1, sinh ngày: 27/8/2013, giới tính: Nam, đến trưởng thành. Bà N xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0052252 ngày 10/4/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND KV10;
- THADS KV10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

2 000017 626208

Đặng Thị Vân Hương